

Số: 2528 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 11 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ Hội Hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 của UBND tỉnh về việc cho phép thành lập Hội Hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Thường trực Hội Hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Bình Phước tại Tờ trình số 02/TTr-HHN ngày 08/10/2015 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ Trình số 1877/TTr-SNV ngày 26/10/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội Hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Bình Phước đã được Đại hội Hội Hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Bình Phước khoá I, nhiệm kỳ 2015- 2020 thông qua ngày 22/9/2015.

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP;
- Sở Nội vụ: 02 bản;
- Lưu: VT, P: NC-NgV.(H-TCBC-QĐ108) 5

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm

ĐIỀU LỆ

Hội Hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Bình Phước
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 2528 /QĐ-UBND*
ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Hữu nghị Việt Nam – Hàn Quốc tỉnh Bình Phước.
2. Tên giao dịch quốc tế: *The Binh Phuoc Province's Vietnam – Korea Friendship Association*, viết tắt là: BPVKFA.
3. Tên viết tắt: Hội Hữu nghị Việt - Hàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Hữu nghị Việt Nam – Hàn Quốc tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội và là thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Bình Phước (nếu có). Mục đích hoạt động của Hội là nhằm xây dựng và mở rộng, tăng cường quan hệ đoàn kết, hữu nghị, hợp tác giữa nhân dân tỉnh Bình Phước với nhân dân Hàn Quốc phù hợp với truyền thống và quan hệ hợp tác giữa hai nước Việt Nam - Hàn Quốc.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội Hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Bình Phước có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được UBND tỉnh phê duyệt.
2. Trụ sở Hội đặt tại thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (Trụ sở tạm thời đặt tại Sở Ngoại vụ tỉnh Bình Phước).

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội Hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Bình Phước hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong lĩnh vực hòa bình, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác nhân dân giữa hai nước Việt Nam - Hàn Quốc.
2. Hội Hữu nghị Việt Nam- Hàn Quốc tỉnh Bình Phước chịu sự quản lý nhà nước của Sở Ngoại vụ và các ngành có liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

Hội Hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Bình Phước được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, tự bảo đảm kinh phí hoạt động, không vì mục đích lợi nhuận, tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Tổ chức các hoạt động nhằm củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị, cổ vũ và hỗ trợ hợp tác giao lưu kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, du lịch, khoa học kỹ thuật,... giữa nhân dân hai nước Việt Nam – Hàn Quốc.

4. Tuyên truyền, giới thiệu với nhân dân Hàn Quốc về đất nước, con người Việt Nam, về đường lối chính sách của Nhà nước Việt Nam, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân Hàn Quốc đối với sự nghiệp bảo vệ, xây dựng đất nước và phát triển kinh tế xã hội của nhân dân Việt Nam.

5. Góp phần thông tin, giới thiệu về tình hình, về đất nước, con người Hàn Quốc với nhân dân Việt Nam nói chung và tỉnh Bình Phước nói riêng nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước Việt Nam - Hàn Quốc.

6. Tham gia các hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, hợp tác phát triển của nhân dân tỉnh Bình Phước; Việt Nam với nhân dân Hàn Quốc và nhân dân các nước.

7. Thiết lập và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tổ chức và cá nhân của Hàn Quốc mong muốn phát triển mối quan hệ với Việt Nam thông qua các hoạt động giao lưu văn hóa, hợp tác kinh tế, khoa học, y tế, giáo dục...

8. Đề nghị với Liên hiệp, các cơ quan chức năng của tỉnh và Trung ương về việc quyết định cử các đoàn ra nước ngoài và đón các đoàn tổ chức nhân dân, tổ chức phi chính phủ Hàn Quốc đến tỉnh hoạt động vì mục đích hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, hợp tác phát triển, viện trợ phi chính phủ.

9. Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ), Sở Ngoại vụ chậm nhất vào ngày 01/12 hàng năm.

10. Tham gia kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về trong việc xây dựng các chủ trương, chính sách, các văn bản qui phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

11. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

12. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN, TỔ CHỨC THÀNH VIÊN

Điều 8. Hội viên, tổ chức thành viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Công dân, tổ chức Việt Nam tại tỉnh Bình Phước, tán thành Điều lệ Hội, có đơn xin gia nhập Hội và được Hội đồng ý, sẽ được gia nhập Hội, trở thành hội viên cá nhân hoặc hội viên tập thể của Hội Hữu nghị Việt Nam – Hàn Quốc tỉnh Bình Phước.

b) Hội viên liên kết: Các doanh nhân trong các doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài (gọi chung là doanh nghiệp có

yếu tố nước ngoài) hoạt động tại Việt Nam, có đóng góp cho sự phát triển của Hội, tán thành điều lệ Hội, thì được Hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết.

c) Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành Hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được Hội công nhận là Hội viên danh dự.

2. Hội có các tổ chức thành viên là các chi hội được thành lập theo Quyết định của Hội.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của hội viên, tổ chức thành viên

1. Chấp hành Điều lệ, chủ trương và nghị quyết của Hội; tích cực tham gia các hoạt động của Hội nhằm giữ gìn và phát triển tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Hàn Quốc.

2. Tuyên truyền rộng rãi mục đích, tôn chỉ và Điều lệ Hội trong nhân dân để thu hút hội viên mới và mở rộng phạm vi hoạt động của Hội.

3. Đóng hội phí theo quy định.

4. Tham gia các hoạt động của Hội và được Hội tạo thuận lợi để thực hiện các hoạt động đó.

5. Được Hội giúp đỡ nâng cao trình độ ngoại ngữ, cung cấp những thông tin liên quan đến quan hệ hai nước Việt Nam - Hàn Quốc.

6. Được ứng cử, đề cử và bầu cử các cấp lãnh đạo Hội, được tham gia thảo luận, kiến nghị và biểu quyết các chủ trương công tác của Hội.

7. Được xin ra khỏi Hội.

Hội viên liên kết, hội viên danh dự có quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử vào Ban Chấp hành, Ban kiểm tra của Hội.

8. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

9. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

10. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 10. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi hội

Thẩm quyền và thủ tục kết nạp hội viên, tổ chức thành viên do Ban chấp hành Hội quy định.

Việc rút tên và xóa tên hội viên: Hội viên, tổ chức thành viên muốn ra khỏi Hội phải thông báo bằng văn bản gửi Ban chấp hành Hội để được rút tên ra khỏi danh sách hội viên.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 11. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Các tổ chức pháp nhân, các chi hội thuộc Hội thành lập theo quy định của Nhà nước.

Điều 12. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức đề nghị.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 13. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hội: là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa 2 kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Hội quyết định công việc theo đa số.

Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Ban Chấp hành gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các chi hội trưởng của các tổ chức thành viên, các cá nhân tiêu biểu. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Trưởng ban Kiểm tra, Tổng Thư ký, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 2 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 14. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Hội:

Ban Thường vụ Hội là cơ quan chỉ đạo hoạt động Hội giữa 2 kỳ họp Ban Chấp hành. Ban Thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và một số ủy viên. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội;

d) Đại diện cho Hội trong các mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội;

đ) Quyết định kết nạp hội viên;

e) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hội và hội viên phù hợp tôn chỉ, mục đích Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ 3 (ba) tháng họp 1 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban và một số ủy viên. Ban Kiểm tra do Đại hội bầu ra, Trưởng ban Kiểm tra do Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Kiểm tra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 16. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 17. Tổng Thư ký

Tổng thư ký Hội là thành viên Ban Thường vụ, Tổng Thư ký có nhiệm vụ giúp việc cho Ban Thường vụ, phụ trách công tác văn phòng Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 18. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 19. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao;
- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 20. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 21. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 22. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội, làm tổn thương đến danh dự của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật tùy theo mức độ sai phạm, có thể bị thi hành kỷ luật bằng các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức hoặc khai trừ ra khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Hữu nghị Việt Nam – Hàn Quốc tỉnh Bình Phước mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt mới có giá trị thi hành.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Hữu nghị Việt Nam – Hàn Quốc tỉnh Bình Phước gồm 8 Chương, 24 Điều đã được Đại hội lần thứ nhất Hội Hữu nghị Việt Nam – Hàn Quốc thông qua ngày 22 tháng 9 năm 2015 tại Hội trường Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Phước và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Bình Phước.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Bình Phước có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm